TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN M** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HSST
Ngày: 13/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Nguyễn Khánh Xuân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Minh Khương**
2. Bà **Ngô Thị Út Hậu**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Huỳnh Thanh Xuân**– Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận M tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Ngọc Bảo Trân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Văn L**, sinh ngày 01/01/1981 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T quận M, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp 2, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Hòa hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T (còn sống) và bà Phạm Thị S (đã chết); Anh, chị ruột: có 08 người (lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1979); Vợ: Trần Thanh N, sinh năm 1982; Con: có 02 người (sinh năm 2003 và 2007). Tiền án, tiền sự: chưa. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L: Luật sư Trần Thị Thùy D- Công ty luật TNHH MTV DINA- Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. **Trần Thanh N**, sinh ngày 06/8/1982 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T quận M, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp 2, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Hòa hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị N (còn sống); Anh, chị, em ruột: có 06 người (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1984); Chồng: Bùi Văn L, sinh năm 1981; Con: có 02 người (sinh năm 2003 và 2007). Tiền án, tiền sự: chưa. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.
2/ Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.
3/ Ông Huỳnh Tấn X, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.
4/ Bà Bùi Thị Bé N, sinh năm 1968 (có mặt)
Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Bùi Thị Thanh T có nhà tại khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ nhưng đang sinh sống tại Đài Loan và giao quyền quản lý tài sản cho ông Bùi Văn C (là cha ruột của T). Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 8 năm 2019, Bùi Văn L (là chú ruột của chị T) rủ vợ là Trần Thanh N đến nhà chị T để lấy trộm xe mô tô mục đích làm phương tiện đi lại, lúc này N không đồng ý vì biết được L nhiều lần gọi điện thoại hỏi xin chiếc xe mô tô nhưng T không cho, L ăn nỉ nói về hoàn cảnh khó khăn cần một chiếc xe làm phương tiện đi lại, do chiếc xe của gia đình đã cũ nên N đồng ý đi cùng với L. Sau đó, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu đỏ, biển số 35H2-4971 chở N đi đến nhà chị T, trên đường đi L ghé một tiệm tạp hóa để mua lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm dùng làm công cụ để cưa ổ khóa vào nhà. Khi đến nhà chị T, L đi ra phía sau nhà, còn N đứng ở trước nhà chị Nguyễn Thị Bích L (cạnh bên nhà T) để đợi L, L sử dụng lưỡi cưa cưa ổ khóa nhưng không cưa được nên L ra tiệm sửa xe của anh Huỳnh Tấn X cách nhà chị T khoảng 200 mét mượn một máy cắt sắt cầm tay màu xanh đen, nhãn hiệu Muler và một cuộn dây điện chiều dài 4,53 mét, L xin cắm nhờ điện nhà chị L rồi sử dụng máy cắt hai ổ khóa cửa nhà của chị T, còn N đứng cách khoảng 03 mét để quan sát L cắt khóa. Sau khi cắt được ổ khóa cửa, L cầm theo máy cắt và ổ cắm điện đi đến phòng khách, phát hiện ở phòng khách có hai xe mô tô, một xe mô tô SH mode màu đen bạc biển kiểm soát 65E1 - 342.18 và một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 65E1 - 107.39 trên xe có gắn chìa khóa, bánh xe trước được khóa ổ khóa với sợi dây xích bằng kim loại, L sử dụng máy cắt, cắt ổ khóa sợi dây xích để lấy xe mô tô biển số 65E1 - 107.39, lúc này N mở cửa nhà để cho L dắt xe vừa trộm được ra bên ngoài, N điều khiển xe biển số 35H2 - 4971 chạy về nhà trước. Còn L sau khi lấy được xe nhưng không khởi động nổ máy được nên dẫn xe đi sửa rồi điều khiển về nhà. Trên đường đi, L điện thoại cho bà Bùi Thị Bé N (là chị ruột của L) nói vừa cắt ổ khóa vào nhà lấy xe của chị T và nhờ bà N mua ổ khóa để khóa cửa nhà của T lại dùm. Sau đó, ông

Bùi Văn C phát hiện bị mất xe nên đã đến công an phường L, quận M, thành phố Cần Thơ trình báo sự việc.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 43/KLĐG ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận M kết luận: Giá của xe mô tô nhãn hiệu YAMAMHA, số loại SIRIUS, màu đỏ đen, số máy: 5C641083771, số khung: C641DY083763, dung tích 110, biển số 65E1 - 107.39 đã qua sử dụng vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 04/8/2019) là 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 289/2019/KLGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ - Bộ y tế kết luận: Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0-ICD10) + Động kinh (G40.3-ICD10). Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

Căn cứ Công văn số 289.0/PYTT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ- Bộ y tế khẳng định Bùi Văn L: Về trách nhiệm hình sự: tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Huỳnh Tấn X không biết L mượn máy cắt và dây điện để cưa khóa nhà T lấy trộm tài sản, còn Nguyễn Thị Bích L nghĩ L là chú ruột của T, là người trong gia đình, không biết L cắm nhờ ổ điện nhà mình để cắt khóa nhà T lấy trộm tài sản nên không đủ cơ sở xử lý Huỳnh Tấn X và Nguyễn Thị Bích L.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS biển số 65E1-107.39, màu đỏ đen, số máy: 5C641083771, số khung: C641DY083763 đã qua sử dụng không rõ chất lượng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT biển số 35H2- 4971, màu đỏ, số máy: 512742, số khung: Y512742 đã qua sử dụng không rõ chất lượng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006703, tên chủ xe Lâm Thành C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043442, tên chủ xe Vũ Sỹ T; 01 máy cắt cầm tay hiệu Muler, màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ WYNNSLOCKS phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ HONDAR phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 sợi dây xích bằng kim loại chiều dài 1,92 mét; 01 cuộn sợi dây điện, màu xanh, ổ ghim điện màu trắng, chui ghim điện màu nâu, có chiều dài 4,53 mét, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: ông Bùi Văn C là cha ruột của chị Bùi Thị Thanh T là người quản lý xe mô tô biển số 65E1-107.39 yêu cầu nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường, ông C có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Bùi Văn L.

Tại cáo trạng số 26/CT- VKSOM ngày 11/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân quận M truy tố Bùi Văn L và Trần Thanh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả kiểm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa hôm nay thông qua việc xét hỏi các bị cáo đủ cơ sở xác định vào ngày 04/8/2019 Bùi Văn L và Trần Thanh N có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 65E1-107.39 của người bị hại, tổng giá trị tài sản là 11.500.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần có hình phạt tương xứng để răn đe giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bùi Văn L và Trần Thanh N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng:

Đối với bị cáo L: Điều 17, Điều 65; điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; xử phạt Bùi Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Đối với bị cáo N: Điều 17, Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thanh N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ WYNNSLOCKS phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ HONDAR phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 sợi dây xích bằng kim loại chiều dài 1,92 mét.

Trả lại cho Bùi Văn L 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT biển số 35H2-4971, màu đỏ, số máy: 512742, số khung: Y512742 đã qua sử dụng không rõ chất lượng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043442, tên chủ xe Vũ Sỹ T.

Trả lại cho ông Bùi Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS biển số 65E1-107.39, màu đỏ đen, số máy: 5C641083771, số khung: C641DY083763 đã qua sử dụng không rõ chất lượng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006703, tên chủ xe Lâm Thành C.

Trả lại cho anh Huỳnh Tấn X 01 máy cắt cầm tay hiệu Muler, màu xanh đen và ổ ghim điện màu trắng, chui ghim điện màu nâu, có chiều dài 4,53 mét, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, cần phân tích thêm một số tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn không truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên khi thực hiện hành vi phạm tội không lường trước được hậu quả xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và an tâm cải tạo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đủ cơ sở xác định vào ngày 04/8/2019 Bùi Văn L rủ Trần Thanh N đi đến nhà của chị T để lấy trộm xe mô tô, các bị cáo biết rõ vào thời điểm này ở nhà chị T không có ai trông coi tài sản, nên bị cáo L lén lút cắt khoá nhà chị T vào lấy trộm xe mô tô biển số 65E1-107.39 của người bị hại, giá trị tài sản là 11.500.000đồng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại. Với thủ đoạn và hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, vì thế cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Ý thức phạm tội của các bị cáo là cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N ban đầu không đồng ý nhưng sau đó đã thống nhất cùng với L đi đến nhà của chị T để lấy trộm xe nên có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Chính các bị cáo hiểu rõ nhất về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, đặc biệt là xâm phạm đến tài sản thuộc

quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuổi đời các bị cáo còn trẻ, có sức khỏe, không chăm lo lao động bằng công sức của mình mà chỉ muốn hưởng thụ, do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo và thấy rằng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo L là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có nơi cư trú rõ ràng nên thấy rằng không cần thiết phải cách L bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét về vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo L là người rủ rê, chở bị cáo N đến nhà chị T để lấy trộm tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đem về nhà cất giấu. Bị cáo N là người giúp sức tích cực cho bị cáo L sau khi trộm được tài sản. Do đó, hình phạt đối với bị cáo L sẽ cao hơn bị cáo N.

[5] Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng để bị cáo tự sửa chữa sai lầm, biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn không truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo L là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, vì thế Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: **Bùi Văn L** và **Trần Thanh N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Bùi Văn L** 09 (*chín*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Thanh N** 06 (*sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Văn L và Trần Thanh N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ WYNNSLOCKS phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng trên thân có chữ HONDAR phần thanh tròn khóa bị cắt đứt rời; 01 sợi dây xích bằng kim loại chiều dài 1,92 mét.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT biển số 35H2- 4971, màu đỏ, số máy: 512742, số khung: Y512742 đã qua sử dụng không rõ chất lượng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043442, tên chủ xe Vũ Sỹ Thanh.

Trả lại cho ông Bùi Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS biển số 65E1-107.39, màu đỏ đen, số máy: 5C641083771, số khung: C641DY083763 đã qua sử dụng không rõ chất lượng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006703, tên chủ xe Lâm Thành C.

Trả lại cho anh Huỳnh Tấn X 01 máy cắt cầm tay hiệu Muler, màu xanh đen và ổ ghim điện màu trắng, chui ghim điện màu nâu, có chiều dài 4,53 mét, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Nơi nhận:
- VKSND quận M;
- Chi cục THA dân sự quận M;
- NTG- CA quận M;
- Công an quận M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Sở tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ;